TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2025
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7-Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N Sinh năm: 1986
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã K, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 060186010104
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Anh Lê Văn T; Sinh năm: 1968
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã K, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038068036709
Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/08/2025 và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là xã K), tỉnh Thanh Hóa ngày 25/10/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được khoảng đến năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên nhiều lúc sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2025, anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến tháng 7 năm 2025 thì bắt đầu có rạn nứt. Nguyên nhân là do vợ chồng có chút bất đồng quan điểm nên có lời qua, tiếng lại nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Lê Văn T, anh T cư trú tại xã K, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là xã K), tỉnh Thanh Hóa ngày 25/10/2022 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa đến năm 2024 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là nhỏ nhặt, chưa đến mức phải ly hôn nhưng chị N nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Trước khi thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhưng các bên vẫn không đoàn tụ được. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Lê Văn T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Thanh Hóa theo biên lai số: BLTU/25E/0001670 ngày 16/10/2025. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Lê Văn T và chị Lê Thị N. Anh T, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7-Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc